

TỪ KHÔNG GIAN GIAO TIẾP ĐẾN KHÔNG GIAN NHÂN VĂN - CON ĐƯỜNG ĐI CỦA ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Nguyễn Minh Hòa

Trường Đại học Khoa học Xã Hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT : Bài viết này làm sáng tỏ các nội dung sau đây:

- *Coi các quan hệ nhân văn là tiêu chí quan trọng của đô thị hiện đại*
- *Những lý do khiến cho nhu cầu về không gian giao tiếp tăng lên trong xã hội hiện đại.*
- *Xác định các cấp độ của không gian đô thị công cộng*
- *Thực trạng về không gian công cộng ở TP. HCM từ quá khứ đến hiện tại*
- *Các phương thức tạo ra không gian công cộng ở đô thị Việt Nam*
- *Quá trình chuyển từ không gian cơ học thành không gian giao tiếp văn hóa*
- *Cuối cùng tác giả đưa ra ý tưởng về việc nên giữ gìn và phát huy những quan hệ xã hội truyền thống trên nền tảng của công nghệ và kỹ thuật hiện đại.*

1. Về một đô thị nhân văn

Nhân văn là một trong các tiêu chí cao nhất của chất lượng sống đô thị. Trong một thời gian dài, người ta hướng phát triển đô thị đến mục tiêu là có nhiều nhà chọc trời, kỹ thuật tân kỳ, dịch vụ hoàn hảo và tăng trưởng kinh tế nóng trên hai con số, còn mỗi gia đình cố gắng phấn đấu sao cho giàu có hơn, tiện nghi hơn. Nhưng những năm gần đây người ta nhận ra hình như đây không phải là mục tiêu cao nhất và cuối cùng của con người. Một thành phố giàu có, tân kỳ nhưng con người luôn cảm thấy không an toàn, phải chịu áp lực nặng nề, rủi ro luôn rình rập, con người luôn cảm thấy cô đơn như trong hoang mạc thì mọi sự giàu có trở nên vô nghĩa.

Các quốc gia phát triển đang **tu duy lại** về việc phát triển đô thị. Các nước châu Âu, Bắc Mỹ đang quay trở về hình bóng thời xa xưa của mình đó là mô hình thành phố nhỏ, ít dân, nhiều màu xanh, sống cởi mở và thân thiện. Điều này được coi là sự “Phục hưng” lần thứ

hai. Còn các quốc gia chậm phát triển ở châu Á đang tiến hành đô thị hóa sau cũng nhận ra rằng nếu cứ chạy theo tiêu chí nhà chọc trời, kỹ thuật hiện đại để bắt kịp các nước châu Âu và Bắc Mỹ thì quả thật đây là cuộc rượt đuổi vô vọng. Do vậy các nước đô thị hóa sau cũng cố gắng đi tìm một mô thức khác của sự phát triển đô thị theo triết lý: **ít giàu hơn, nhưng nhân văn hơn.**

Đô thị nhân văn là một đô thị mà con người sống trong một môi trường bình đẳng, thân thiện, tự do, an toàn, hài hòa và ấm áp. Chính vì thế con người trong đô thị hiện đại rất cần có các không gian công cộng, không gian giao tiếp xã hội không chỉ mang tính xã giao mà còn đạt đến một không gian tràn đầy tính nhân văn. Trung Quốc là một trong số các nước đi đầu theo khuynh hướng này. Chính Trung Quốc là quốc gia đầu tiên khởi xướng cho một hệ thang đo mới về chất lượng sống đô thị được nhiều quốc gia ủng hộ trong đó có Việt Nam. Hệ thang đo có 42 tiêu chí, trong đó tiêu chí

27 là “*mảng xanh và không gian công cộng tính trên đầu người*”¹

2. Những lý do mà con người đô thị hiện đại cần đến không gian giao tiếp

Con người của các đô thị hiện đại dường như là chuyển động lướt qua bên cạnh nhau nhiều hơn đứng bên nhau để thân thiện chia sẻ với nhau. Đó là một thực tế. Hãy nói chuyện với tôi (talk to me) là một khát khao không chỉ của người già cô đơn mà ngay cả với những thanh niên sôi nổi, tràn đầy sức sống. Xã hội càng hiện đại con người ta càng trở nên cô đơn và nhỏ bé. Một vài nguyên nhân có thể cảm nhận được:

- *Đô thị là một hệ thống cứng*, các nhà thiết kế đã tạo ra một thành phố với các nguyên tắc của hình học và chia nhỏ thành phố bằng các vách ngăn bê-tông, xi-măng, kính ngăn làm cách con người. Một thành phố nếu bỏ đi toàn bộ các nóc nhà thì phần còn lại là những cái hộp không khác gì tổ tò vò. Có lý khi nói rằng phần lớn đời sống của người dân đô thị là diễn ra trong những cái hộp và xê dịch từ cái hộp này tới cái hộp khác. Bản chất của xã hội truyền thống là liên kết cộng đồng, nhưng thiết kế đô thị và các công trình hạ tầng kỹ thuật đã góp phần làm cho các cộng đồng bị ngăn cách. Richard Rogers, một kiến trúc sư nổi tiếng của trường phái lý luận “đô thị hậu hiện đại” đã chỉ ra rằng chính xe hơi và các con đường cao tốc là nguyên nhân chính chia cắt các khu dân cư ra làm nhiều mảnh do việc đi bộ qua lại trở nên khó khăn và quá nguy hiểm.

- *Đô thị có hệ thống dịch vụ ngày một hoàn thiện*, chính điều này đã tước đi cái bản chất của khái niệm “chia sẻ”. Nếu trong xã hội nông nghiệp, người ta phải dựa vào nhau để tồn tại trên tinh thần “thương người như thể thương thân”, “tối lửa tắt đèn có nhau”, “chị ngã, em nâng” thì sang xã hội đô thị người ta chủ yếu

dựa vào dịch vụ. Dịch vụ tốt là một mục tiêu của xã hội hiện đại, thiếu tiền đến ngân hàng, ốm đau đến bệnh viện, ma chay cưới hỏi thuê dịch vụ. Vô hình chung, dịch vụ hoàn hảo làm triệt tiêu dần quan hệ cộng đồng.

- *Công nghệ và kỹ thuật đô thị ngày một hiện đại*, nhờ công nghệ mới này cuộc sống con người dễ dàng hơn, nhưng làm cho khoảng cách tâm lý - xã hội lớn hơn. Điện thoại, internet là những ví dụ sống động cho việc con người thực hiện hàng trăm cuộc giao tiếp trong một ngày cho dù đó là trực tuyến (online) nhưng gặp gỡ lại ít đi. Cũng do sự hoàn hảo của công nghệ và kỹ thuật mà con người có thể thực hiện được các yêu cầu cá nhân mà không phải ra khỏi nhà hay căn hộ như mua hàng, trả phí dịch vụ, đóng thuế, thậm chí là học hành. Có người nói ở các nước phát triển người ta thấy nhau trên Tivi nhiều hơn là ngoài đời, có lẽ do vậy mà ở các nước phát triển cao mỗi năm có một ngày không tivi và một ngày không sử dụng điện thoại là vì vậy.

- *Cá nhân hóa tăng cao và cộng đồng giảm xuống*. Ở đô thị người ta đặt cá nhân cao hơn cộng đồng do cuộc sống đô thị làm cho con người phải lựa chọn sao cho có lợi nhất cho bản thân, trong khi tài chính, thời gian luôn bị hạn chế theo chủ nghĩa “tối ưu hoá”. Trong nhiều trường hợp, cá nhân hoá bị đẩy đến mức cực đoan thành chủ nghĩa cá nhân ích kỷ và vị kỷ.

- *Trong xã hội đô thị quan hệ con người ít sống trong nhóm sơ cấp* (primary group) mà sống và làm việc phổ biến là ở trong nhóm cấp hai (secondary group). Tức là người ta quan hệ với nhau theo công việc và hoạt động chủ yếu trong nhóm chức nghiệp, vai trò của nhóm cấp một (gia đình, công đồng cư trú, thân tộc) bị giảm sút đi. Ngay từ những năm 1950, nhà xã hội học người Đức là Ferdinand Tonnies cũng đã chỉ ra rằng trong xã hội công nghiệp thì nhóm cấp 1 sẽ bị suy yếu đi rõ rệt về chức năng và

¹ Changcheng Zhou. *The Quality of life in China*, Wuhan University, 2004.

lông lẻo về cấu trúc, trong khi nhóm cấp 2 sẽ trở nên phổ biến và phát triển mạnh hơn.²

Về điều này GS. Đỗ Thái Đồng có nói: “Đặc điểm trước hết của xã hội đô thị là các quan hệ chức năng lấn át các quan hệ nguyên thủy. Các quan hệ nguyên thủy như quan hệ thân tộc, quan hệ láng giềng, quan hệ quen biết giữa các cá nhân. Chúng có vai trò rất lớn ở các xã hội nông thôn nhưng ở đô thị, chúng hầu như mất đi vai trò điều chỉnh đời sống cá nhân hoặc nếu có cũng rất suy yếu. Thay vào đó là các quan hệ chức năng với sự phân công rất chi tiết mọi mặt của lao động và dịch vụ. Mọi người phải trông cậy vào hệ thống chức năng ấy để sống và làm việc. Do đó, xã hội đô thị là một xã hội chuyên môn hóa cao độ với các quan hệ phi cá nhân. Các định chế chức năng phải bao trùm mọi mặt của đời sống từ ăn, ở, đi lại, vệ sinh, chữa bệnh, học hành, an ninh trật tự.v.v.”³. Trước một xã hội như thế, người ta nhận thấy phải làm sao cho con người đô thị sống với nhau gần gũi hơn và thân thiện hơn. Sự lạnh lẽo và vô cảm sẽ làm cho con người không được lành mạnh về tinh thần, cộng thêm vào đó là sức ép đô thị (ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông, tội phạm, việc làm không ổn định, rủi ro, cạnh tranh gay gắt) làm cho con người sống lâu hơn, nhưng mệt mỏi hơn.

Không gian giao tiếp công cộng chính là phần mềm trong một hệ thống đô thị cứng. Một thành phố sẽ trở nên ngột ngạt khó thở khi không có những không gian rộng giữa những khối nhà đông đặc, tầm mắt con người sẽ bị tù túng trong các rừng beton xám xịt, sự hiểu biết con người sẽ bị giam cầm trong các khối vật chất vô hồn và tình cảm con người trở

nên vô cảm, nhạt nhẽo trong các bức tường. Một kiến trúc sư có viết: “Không gian được coi là hợp lý khi nó cho phép con người hợp tác với nhau theo những thể thức nhất định. Thể thức trước tiên được nói tới là sự giao tiếp giữa con người và con người”⁴. Do vậy việc tạo ra các không gian giao tiếp là vô cùng cần thiết. Đó chính là một tiêu chí quan trọng của đô thị nhân văn.

3. Các cấp độ của không gian giao tiếp công cộng

Để xác định chính xác về không gian giao tiếp công cộng là điều không dễ, bởi tính chất đa dạng của khái niệm này. Không gian giao tiếp công cộng có thể là các quảng trường lớn, sân vận động, công viên do quốc gia hay thành phố quản lý, một ngôi chùa, một nhà thờ của cộng đồng, nhưng nó cũng có thể chỉ là những vườn dạo nhỏ ở khu dân cư, một khoảng sân nhỏ giữa hai block chung cư, thậm chí chỉ là những ghế đá đặt trên vỉa hè. Trong nhiều trường hợp thì quán cắt tóc vỉa hè, quán cà phê cóc, chợ chồm hồm cũng được coi là nơi giao tiếp công cộng, miễn nơi đó là tụ điểm cho mọi người thích đến để gặp gỡ nhau trò chuyện, chia sẻ mọi nỗi vui buồn thường ngày một cách tự do (không có bất cứ sự kiểm soát nào) và không phải bỏ chi phí (mất tiền mua vé vào cổng chẳng hạn)

4. Không gian giao tiếp công cộng ở Sài Gòn-thành phố Hồ Chí Minh

Cần phải nhớ lại một chút về quá khứ. Cách nay 200 năm khi bắt tay thiết kế thành phố này người Pháp đã ý thức được việc cần phải tạo ra các không gian công cộng. Lúc đó các nhà qui hoạch và KTS của Pháp đã cố gắng kiến tạo “Sài Gòn giống hệt như một thành phố địa

² Nguyễn Minh Hòa. *Xã hội học những vấn đề cơ bản*. NXB Giáo dục, 1999, trang 184.

³ Đỗ Thái Đồng. “Thành phố con người và quản lý” trong nội san “Nghiên cứu con người và xã hội” của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân Văn TP. HCM. Tháng 9-2002, trang 43.

⁴ Trần Văn Khải. *Cải thiện điều kiện giao tiếp trong tổ chức không gian kiến trúc nhằm nâng cao chất lượng môi trường ở và sinh hoạt công cộng trong các đô thị Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, 1999. Trang 9.

phương của Pháp”, một “Paris nhỏ”. Trong bản thiết kế đầu tiên của đại tá công binh người Pháp tên là Coffyn đề trình lên đô đốc Bonard vào ngày ngày 30-4-1862, Coffyn đã đề xuất việc kiến tạo ra “*một hành lang dọc theo bến cảng Sài Gòn, Bến Nghé với chiều rộng là 40 mét, được trồng hai hàng cây nằm sát cạnh các ngôi nhà. Dọc theo con kênh hở từ rạch Bến Nghé đến Nhiêu Lộc là một đại lộ có chiều dài 20 km và chiều rộng 40 mét như ở bến cảng Sài Gòn để cho mọi người thả bộ dưới bóng râm của cây. Ở tất cả các trung tâm của khu dân cư chính, đài phun nước và vòi nước phải được ưu tiên hàng đầu, bởi vì nơi đây là khí hậu nhiệt đới ... Tất cả các con đường đều phải có vỉa hè đi bộ được phủ bằng vật liệu xây dựng, bên dưới nó là các ống thoát nước và dọc theo các con đường là trồng những hàng cây có ấn tượng như me, xoài, sao, hạnh. Một vườn bách thảo cũng được đề xuất ngay vào thời gian đó*”⁵. Những năm tiếp sau đó hàng loạt các công trình công cộng, các không gian công cộng được xây dựng mà giá trị văn hóa của chúng còn đến ngày nay, nhưng các công trình đó chỉ bó hẹp trong diện tích của khu vực trung tâm cũ chừng 7 km².

Ngày hôm nay, nhìn một cách tổng thể, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích khoảng 600 km² của 12 quận nội thành thì không gian giao tiếp công cộng về cơ bản là ít và đơn điệu. Thành phố không có quảng trường lớn như Ba Đình ở Hà Nội hay Thiên An Môn của Trung Quốc mà chỉ có các quảng trường nhỏ. Gọi là quảng trường, nhưng thực ra chúng chỉ là khoảng trống giữa các trục giao thông giao nhau, hoặc phần không gian chuyển tiếp giữa các ông trình, chẳng hạn quảng trường Quách Thị Trang, Mê Linh, hồ con Rùa, quảng trường 30-4, chúng nhỏ bé đến nỗi người

dân thành phố này quên mất chúng được coi là quảng trường dù cho có biển đề hẳn hoi. Thành phố có một số công viên như Thảo Cầm Viên, Tao Đàn, Hoàng Văn Thụ, các công viên, quảng trường này hầu hết có từ thời Pháp, chẳng hạn vườn bách thảo hình thành năm 1863, công viên Tao đàn ra đời 1869 được phát triển từ vườn riêng của Tướng quân Lê Văn Duyệt (xưa kia gọi là vườn ông Thượng). Từ năm 1975 đến 1990 chúng ta có thêm được công viên Lê Văn Tám được cải tạo từ nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, hồ Kỳ Hoà, Công viên Đầm Sen được cải tạo từ những hồ đầm tự nhiên. Từ năm 1996 trở lại đây, trong quá trình nâng cấp chỉnh trang phần nội thành thì các không gian công cộng được chú ý hơn, một vài công viên được phá bỏ hàng rào để người dân ra vào tự do trả lại đúng nghĩa giá trị công cộng của các công viên như Hoàng Văn Thụ, Tao Đàn, Phú Lâm. Một số công viên, vườn dạo được đầu tư nâng cấp cho đẹp hơn như công viên Gia Định, Mê Linh, Lê Thị Riêng. Các công sở, khách sạn, nhà hàng, cửa hàng tư nhân cố gắng tạo ra cảnh quan đẹp và không gian công cộng trong điều kiện cho phép như làm bồn hoa, chừa không gian trồng, tận dụng vỉa hè rộng làm quán cà phê như vỉa hè toà nhà Metropolitan. Một vài dải thảm cỏ nhỏ bé không liên tục có được dọc kênh Nhiêu Lộc-Thị Nghè cạnh đường Hoàng Sa là do kết quả của quá trình di dời hơn 7.000 ngôi nhà ổ chuột dọc kênh được coi là một cố gắng khích lệ. Nhưng có một thực tế khác cần ghi nhận là sau khi chỉnh trang nâng cấp thì diện tích không gian dành cho giao tiếp công cộng lại bị giảm đi, nguyên nhân là do giá đất ở khu vực các quận trung tâm quá cao, các nhà đầu tư muốn tăng hệ số sử dụng đất, nên các công trình xây dựng sau cải tạo bao giờ cũng to hơn trước, nhiều không gian công cộng bị xén bớt. Chẳng hạn công viên Văn hóa bị mất đi hàng nghìn mét vuông khi mở đường đi qua công viên nổi đường Nguyễn Thị Minh Khai với

⁵ Nguyễn Đình Đầu, *from Saigon to HoChiMinh City, 300 year history*. Science and Technics Publishing House 1998

Nguyễn Du, thêm vào nữa là nhà thi đấu thể thao Nguyễn Du cũng chiếm hết hơn 1.000 m² nữa của công viên ngay giữa trung tâm thành phố này, còn diện tích của thảo cầm viên cũng sẽ bị mất hơn 2.000 m² do có nhiều quán xá chiếm dụng không gian như quán “Xanh”, cửa hàng nội thất “Thiên ân” và kế hoạch mở rộng bảo tàng thành phố lên gấp đôi hiện nay. Một loạt hơn 10 khách sạn cũ thời pháp do Saigontourist quản lý như Continental, Grand, Majestic, Kim Đô đã và sẽ bị đập bỏ đi xây lại mới hay nâng cấp xây chèn đều to lớn hơn làm không gian công cộng nhỏ lại. Hiện nay có 22 cao ốc văn phòng từ 25 tầng trở lên được xây dựng mới sau năm 1996 như Diamon Plaza, Sofitel Plaza, Metropolitan, Saigon Tower tại khu hạt nhân thành phố cũ được hình thành từ thời Pháp với diện tích ven ven chỉ có 7,5 km² (được khuôn lại bởi 5 mặt đường là Tôn Đức Thắng-Đinh Tiên Hoàng, Nguyễn Đình Chiểu, Cách Mạng Tháng tám-Hàm Nghi) và chỉ sau 3 năm nữa hơn 30 cao ốc nữa sẽ mọc lên dày đặc trong diện tích nhỏ bé này, trong đó có hơn 10 cao ốc cao hơn 40 tầng và cố nhiên không gian công cộng sẽ còn bị thu lại nhỏ hẹp nữa. Điều này cũng xảy ra tương tự ở nhà dân. Các biệt thự Pháp tuyệt đẹp có cảnh quan hài hoà bị xê thịt để xây nhà hình ống, còn các nhà hình ống thì tận dụng không gian bành trướng ra. Do vậy nhìn tổng thể các quận nội thành thì dường như là đẹp hơn, mới hơn, nhưng không gian công cộng bị hao hụt đi khá nhiều, ở quận 1, quận 3 số hao hụt có thể lên đến 30%.

Khi mới phát triển ra vùng ngoại thành, nhiều người hy vọng sẽ có nhiều không gian công cộng được tạo dựng, nhưng do sai lầm của sở qui hoạch –kiến trúc cho phép các nhà đầu tư nhỏ lẻ thực hiện hàng ngàn các dự án xây nhà chia lô manh mún cho nên một tình trạng tương tự như trong nội thành đã diễn ra: không quảng trường, không công viên, vườn dạo, không vỉa hè, không ghế đá, rất ít cây xanh và mùt tầm mắt chỉ có những dãy nhà ống chạy dọc theo trục đường.

Chúng ta có thể thấy điều này ở các khu dân cư mới toanh như Bàu Cát 1 và 2 ở Tân Bình, các khu dân cư mới ở Bình Chánh, Thủ Đức, Q.2, Q.9. Có lẽ khu dân cư lớn duy nhất có được cảnh quan môi trường đẹp và không gian giao tiếp mở rộng là khu Phú Mỹ Hưng ở Nam Sài Gòn, rất tiếc là những địa chỉ như thế rất hiếm hoi và chưa hứa hẹn là sẽ có thêm nữa.

5.Chuyển từ không gian cơ học đến không gian giao tiếp văn hóa

Theo tôi, muốn có được không gian giao tiếp thì trước hết phải tạo ra được không gian cơ học (mechanic space) hay còn gọi là không gian rỗng trong đô thị. Không gian cơ học trước hết là không gian không có công trình xây dựng, nó có thể là đất trống, là vườn cây, thậm chí nơi mà có thể thực hiện được những quan hệ giao tiếp. Điều này không phải là dễ trong bối cảnh khi mà “tắc đất, tắc vàng” và cứ tăng cao theo thời gian, dân số gia tăng nhanh đồng nghĩa với nhu cầu sử dụng đất tăng cao.

Tiếp theo là phải làm cho không gian cơ học trở thành nơi giao tiếp công cộng mang ý nghĩa văn hóa. Việc tạo ra không gian cơ học đã khó, nhưng làm cho không gian đó hấp dẫn mọi người đến không phải là dễ. Có hai phương thức làm cho một không gian cơ học trở thành không gian giao tiếp xã hội, thứ nhất là tạo ra những tình huống buộc mọi người phải tiếp xúc với nhau, thứ hai là cấy vào không gian đó những cảnh trí, đồ vật tạo ra sự hấp dẫn kích thích con người muốn xích lại gần nhau. Một ví dụ được nhắc đến nhiều nhất trong lịch sử kiến trúc là ở các thành phố của Liên xô cũ, các KTS khi thiết kế các chung cư cao tầng đã cố tình không thiết kế nhà bếp trong từng căn hộ mà tạo dựng ra nhà bếp công cộng để cho các phụ nữ khi nấu bếp phải gặp gỡ nhau, mỗi tầng lầu bao giờ cũng có dành một phòng công cộng để xem tivi, đọc báo, tổ chức sinh nhật. Còn nhớ trước đây Hà Nội cũng có

quá nhiều không gian công cộng, do chúng là sản phẩm của thời kỳ kinh tế khó khăn, đó là những nơi có vòi nước công cộng, nhà vệ sinh công cộng, cửa hàng bán hàng phân phối. Chúng làm cho người ta phải gần nhau, nhưng cũng làm cho người ta phát chán và còn ám ảnh đến mãi sau này. Phương thức tạo ra tình huống giao tiếp bắt buộc không tồn tại được lâu dài bởi nó không mang được sắc thái tự nhiên. Trong hai phương thức thức đó thì phương thức thứ hai cố nhiên là tốt hơn, lúc đó vai trò của nhà qui hoạch, của kiến trúc sư là hỗ trợ và tạo điều kiện để cho các không gian rộng có ý nghĩa, chẳng hạn giữa hai toà nhà cao tầng là những mảnh sân nhỏ với vài cái bập bênh, cầu trượt, xích đu, đu quay để cho trẻ em chơi với nhau và trẻ em chính là cầu nối giữa người lớn xích lại gần nhau hơn. Các nhà thiết kế đô thị của ngành du lịch nhận thấy rõ ràng, các yếu tố bên ngoài như khung cảnh trữ tình, ánh sáng, màu sắc lãng mạn, bố cục hình khối hấp dẫn, môi trường thân thiện rất dễ làm cho con người dù xa lạ cũng muốn mỉm cười với nhau. Nếu bạn đến đồi Lê Nin ở Mátxcova nơi có trường ĐH Tổng hợp quốc gia Lômônôxốp vào những ngày thu vàng rực, hay thả bộ bên bờ sông Dương Tử của thành phố Vũ Hán xanh mướt vào mùa hè thì bạn sẽ thấy chúng *“đẹp và thơ mộng đến mức người già không thể không nắm tay nhau dung dăng dung dẻ, thanh niên không thể không hôn nhau, trẻ em không thể không hát những câu vu vơ bất chợt”*⁶

Nhưng việc tạo ra không gian giao tiếp hấp dẫn không phải là dễ, ở đó không chỉ có các vật thể mà phải tỏa ra sự hấp dẫn khiến cho người ta muốn đến và muốn chia sẻ tình cảm. Thực tế cho thấy nhiều tụ điểm vui chơi, nhiều câu lạc bộ bỏ tiền tỷ nhưng không một ai lai vãng. Ở thành phố chúng ta không gian

công cộng không nhiều, còn không gian công cộng tràn đầy văn hóa thì quá ít. Còn nhớ trong một bài tham luận tại hội thảo về văn hóa đô thị, nhà văn Nguyễn Quang Sáng có nói đại thể rằng khi đến Hà Nội, Đà Lạt chủ nhà thường hỏi khách muốn đi thăm thú nơi đâu, còn người Sài Gòn lại hỏi “muốn đi nhậu ở đâu”. Tuy đã ít nhưng một phần không nhỏ trong số đó không thể gọi là không gian giao tiếp văn hóa được. Hãy xem các công viên của thành phố như dải đất ven sông Sài Gòn đoạn đường Tôn Đức Thắng được coi là đất giá nhất thành phố, công viên Gia Định, Hoàng Văn Thụ, Văn Lang hình như không dành cho những người tử tế. Buổi tối ở Hà Nội người ta còn có thể dạo quanh bờ Hồ, dạo chơi trong công viên Lê Nin, thả bộ ở đường Thanh Niên, nhưng ở Sài Gòn thật không dễ dàng, có rất nhiều người bị trấn lột ngay trong các công viên. Các vườn dạo ở khu dân cư thì quá nhếch nhác, phần lớn trở thành bãi rác, nơi phóng uế. Như vậy việc quản lý và làm cho các không gian giao tiếp ít ỏi ở trung tâm phát huy tác dụng là điều quan trọng. Để có được không gian giao tiếp văn hóa, theo tôi chúng ta nên làm những việc sau đây:

- Trong nội thành chật chội nên biết tận dụng mọi khoảng trống đôi khi rất nhỏ để có thể tạo ra những nơi thú vị. Hãy xem người Nhật, trong một khuôn viên nhỏ nhất họ vẫn có thể tạo ra được những vườn đá nhỏ nhỏ, chính người Nhật đi tiên phong trong việc tạo ra Bonsai để đưa vào nội thất và tạo ra không gian xanh theo chiều thẳng đứng trên bề mặt công trình xây dựng. Để tạo ra không gian công cộng Nhà nước nên có những qui chế bắt buộc các kiến trúc sư, các nhà xây dựng và cả nhà ở tư nhân phải tôn trọng các không gian công cộng trong khi thiết kế và thi công. Các chung cư mới của Trung Quốc không rộng, nhưng bao giờ cũng dành hẳn một phần ở tầng trệt làm nơi sinh hoạt công cộng cho người dân.

⁶ Trích dẫn trong bài viết của tác giả có tựa đề: “Lãng mạn về một Sài Gòn” đăng trên báo Thanh niên ngày 30-12-2000

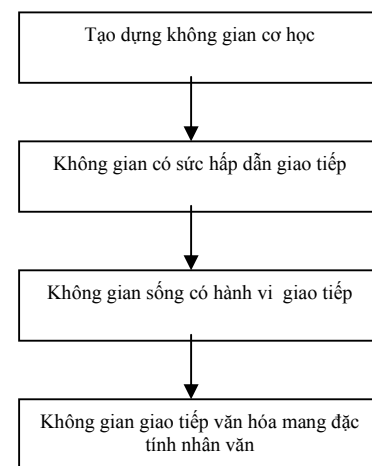
- Sử dụng hợp lý đất nội thành, đặc biệt là đất do nhà nước quản lý để phát triển các không gian công cộng hữu ích. Một thực tế cho thấy trong khu vực nội thành có khá nhiều đất sử dụng rất lãng phí, còn rất nhiều kho bãi chiếm dụng hàng trăm nghìn m² nhưng để trống hoặc chứa đồ phế thải và hơn 10.000 quán nhậu (trong khi cả thành phố chỉ có 900 trường trung học, tiểu học, 34 nhà văn hóa), nhiều quán nhậu có diện tích hàng nghìn m² và thường chiếm cứ ở những vị trí đẹp nhất, ví dụ điển hình là các làng nướng, ở thành phố này có ít nhất 20 làng nướng với diện tích chiếm dụng đều rất lớn, như làng nướng trên đường 3-2 cạnh học viện hành chính quốc gia, làng nướng trên đường Cách Mạng Tháng tám, làng nướng Gò Vấp, Làng nướng Lãnh Binh Thăng, hầu như quận nào cũng có vài ba làng nhậu. Ngoài làng nhậu ra còn phố nhậu, vườn nhậu như “phố nhậu Tân Đa” được xây dựng trên mảnh đất mà trong qui hoạch là công viên của khu dân cư chẳng hiểu sao lại trở thành phố nhậu cho hơn 1.000 người cùng lúc, hay “vườn phố” nằm ở vị trí tuyệt đẹp trên đường Nguyễn Du. Nếu có kế hoạch sắp xếp lại, thì thành phố sẽ có thêm nhiều không gian công cộng đẹp, hấp dẫn từ chính các quán nhậu, kho bãi.

- Còn ở các cộng đồng nhỏ ở các khu dân cư cũng phải tự ý thức rõ rệt về việc bảo vệ các không gian công cộng đã có như đình, chùa, và tận dụng mọi cơ hội tạo ra các không gian công cộng nhỏ cho dù là một góc phố, đầu con hẻm hay một miếng đất trống nho nhỏ, đôi khi chỉ đặt được một vài chậu cây cảnh, một hòn non bộ.

- Đối với các khu dân cư nâng cấp, chính trang cố gắng không làm mất đi không gian công cộng đã có và tạo thêm ra các không gian công cộng mới cho dù rất nhỏ. Ở nhiều khu nhà ô chuột của Philippines, An độ sau khi tái định cư tại chỗ đã dành ra được những sân chơi thể thao cho trẻ em, nhà hội họp cho mọi người. Ở quận Phú Nhuận, nhiều con hẻm sau khi mở rộng cũng đã tạo ra được

những góc nhỏ đủ để cho vài ghế đá và dăm chậu cây cảnh làm chỗ chơi buổi chiều cho người già.

- Còn ở vùng đô thị hóa mới phải kiên quyết dành quỹ đất đáng kể và thiết kế các không gian công cộng hợp lý, các không gian công cộng tuy không tạo ra lợi ích dễ thấy ngay ngày hôm nay mà giá trị của nó mang lại rất lâu dài. Như vậy có thể mô tả các cấp độ của không gian giao tiếp công cộng như sau:



6. Sự lựa chọn hợp lý trong phát triển để tạo ra không gian giao tiếp nhân văn của các đô thị Việt Nam

Như đã nói ở phần đầu, các thành phố Châu Âu – Bắc Mỹ đang tìm cách trở lại với hình ảnh xa xưa trên cái nền của công nghệ-kỹ thuật hiện đại. Các nước như Pháp, Đức, Canada, Hà lan đang cố gắng xây dựng lại các tiêu chí của chất lượng sống của xã hội hậu công nghiệp trong đó các tiêu chí xanh, sạch, thân thiện, giản dị được đề cao trong các đô thị sinh thái nhỏ với chừng 5-10 ngàn dân. Trong các đô thị nhỏ này các không gian giao tiếp và không gian sống hoà lẫn vào nhau. Chẳng hạn như ở Đức hiện nay có đến gần 80% dân số sống trong các thành phố, thị trấn nhỏ, trong đó 49,7

triệu người sống ở các thị trấn nhỏ từ 2.000 đến 100.000 dân, 6,6 triệu người sống trong các thị trấn làng với dân số ít hơn 2.000 người. Chúng được gọi với những tên như: “đô thị làng”, “thành phố vườn”, “thành phố sinh thái” “thị trấn nông thôn”. Những thành phố nhỏ này không chỉ là nơi có môi trường tự nhiên thật lý tưởng mà còn được coi là nơi rất ấm áp quan hệ con người với nhau bởi không gian sống tràn ngập văn hóa cộng đồng theo kiểu làng xã xưa kia được phục hồi trở lại. Các loại hình văn hóa dân gian, lễ hội truyền thống, lễ hội tôn giáo, lễ hội nghề nghiệp được phát triển mạnh mẽ.

Một điều thật là lý thú khi phát hiện ra rằng sau hơn 300 năm phát triển, đô thị phương Tây khi đạt đến đỉnh cao thì lại có xu hướng quay trở về với kiểu đô thị giản dị của xã hội nông nghiệp truyền thống. Điều này khiến cho chúng ta suy nghĩ rằng các đô thị châu Á đang sở hữu những giá trị văn hóa đồ sộ, những giá trị tinh thần quý giá của xã hội truyền thống. Nhưng có những lúc để đi cho nhanh, chúng ta đã vội vàng bỏ lại phía sau lưng không ít những di sản văn hóa và như thế rất có thể 100 năm sau khi bước vào hậu công nghiệp, con cháu chúng ta lại phải tìm cách phục hồi, hay phục hưng lại những giá trị văn hóa truyền thống mà

thể hệ hôm nay đã mất. Thật tai họa, nếu chúng ta tạo ra được thật nhiều quảng trường, công viên, vườn dạo nhưng mọi người vẫn cứ lướt qua bên cạnh nhau như những kẻ xa lạ.



Vậy thì nên chăng các nước chậm phát triển hôm nay nên có ý thức đầy đủ về việc bảo tồn và phát triển không chỉ không gian công cộng mà còn là các quan hệ xã hội thân thiện mang đầy tính nhân văn trong không gian đó.

Thành phố Hồ Chí Minh hôm nay tuy còn chưa đẹp, còn bề bộn nhưng có một tài sản vô giá là quan hệ cộng đồng của xã hội nông nghiệp truyền thống. Chúng ta có thể bảo lưu nó và phát triển trong một hình thức mới, trên nền tảng mới của công nghệ và kỹ thuật hiện đại được không? Để trả lời được điều này chúng ta còn phải tiếp tục nghiên cứu nhiều hơn nữa để làm rõ về cả lý thuyết và ứng dụng trong thực tiễn.

FROM PUBLIC SPACE TO HUMAN SPACE THE PATH OF VIETNAM'S CITY

Nguyen Minh Hoa

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT : Major issues are presented in this paper:

- Human relation is one of most important indexes in modern cities.
- The reasons for the growth of public space in modern society
- The different levels of public space

- *The situation of public space in Hochiminh City*
- *Ways to create urban public spaces in Vietnam*
- *Transformation of mechanic space to cultural space and human*
- *Ideas about developing traditional culture on modern techniques and technology.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân Văn TP. HCM, Nội san “*Nghiên cứu con người và xã hội*”, Tháng 9-2002
- [2]. Hàn Tất Ngạn, *Kiến trúc cảnh quan đô thị*, NXB xây dựng, 1996.
- [3]. Nguyễn Đình Đầu, *From Saigon to HoChiMinh City, 300 year history*, Science and Technics Publishing House 1998.
- [4]. Nguyễn Minh Hòa, *Xã hội học những vấn đề cơ bản*, NXB Giáo dục, 1999,
- [5]. Nguyễn Thị Thanh Thủy, *Tổ chức và quản lý môi trường cảnh quan đô thị*, NXB xây dựng, 1997.
- [6]. Changcheng Zhou, *The Quality of life in China*, Wuhan University, 2004.